

Số: 35 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 19 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Khoản 4 điều 9 Quy chế kèm theo Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Trương Hải Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số: 35 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định một số nội dung về phương pháp, tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, nhóm tác giả là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quy định chung

1. Sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng các cấp: Là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Việc công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng các cấp: Là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên.

Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu

khoa học:

a) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở: Là sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được áp dụng có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương nơi tác giả hoặc nhóm tác giả có sáng kiến đề tài nghiên cứu khoa học công tác, được Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xét, công nhận.

b) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh: Là sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở, sau đó đã được áp dụng hiệu quả hoặc có khả năng nhân rộng mang lại hiệu quả vượt ra ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương nơi công tác, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận.

c) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp toàn quốc: Là sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh, sau đó được áp dụng có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng vượt ra ngoài tỉnh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận.

4. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng: Là sáng kiến được đánh giá có mức độ thực hiện và khả năng triển khai, áp dụng cho các đơn vị, cá nhân cùng ngành, lĩnh vực hoặc rộng rãi cho nhiều ngành, địa phương trong thực tế đạt hiệu quả.

5. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng sáng kiến đó có khả năng mang lại hiệu quả hoạt động hành chính - sự nghiệp, hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người), nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả công tác.

Điều 3. Nguyên tắc xét, công nhận

1. Đảm bảo công khai, khách quan, dân chủ, công bằng, chính xác, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự thủ tục.

2. Nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học phải liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ chuyên môn của các cá nhân, nhóm tác giả.

3. Mỗi sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học chỉ được công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng một lần ở mỗi cấp.

Chương II

TIÊU CHÍ, THANG ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP; THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Tiêu chí xét đánh giá công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

1. Cách đặt vấn đề: Tên sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Tính mới sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học: Không trùng với các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận trước đó hoặc có cải tiến so với trước đây mang lại hiệu quả cao hơn.

Cụ thể gồm các mức đánh giá sau:

a) Hoàn toàn mới (Chưa có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được xét công nhận tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Có cải tiến, bổ sung, phát triển từ 50% trở lên so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến).

c) Có cải tiến, bổ sung, phát triển từ 20% đến dưới 50% so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến).

d) Không có tính mới hoặc có cải tiến, bổ sung, phát triển dưới 20% so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến).

Riêng đối với đề tài nghiên cứu khoa học chỉ áp dụng một mức đánh giá tại điểm a ở tiêu chí này.

3. Phạm vi ảnh hưởng: Được áp dụng ngay trong hoạt động công tác của cá nhân, cơ quan, đơn vị và có khả năng phổ biến, nhân rộng trong các ngành, địa phương và toàn tỉnh.

Cụ thể gồm các mức đánh giá sau:

a) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, sử dụng tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khác.

b) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh, ngành, lĩnh vực (được xét trên cơ sở: tính dễ áp dụng; dễ phổ biến, tuyên truyền và khả năng áp dụng quy mô đại trà...),

c) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương có cùng điều kiện trở lên (được xét trên cơ sở: tính dễ áp dụng; dễ phổ biến, tuyên truyền và khả năng áp dụng quy mô cơ quan, đơn vị, địa phương ...),

d) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học chưa được áp dụng, sử dụng hoặc không có khả năng áp dụng.

4. Tính hiệu quả: Mang lại lợi ích nhiều hơn về khối lượng, chất lượng, năng suất và giá trị so với khi chưa áp dụng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Cụ thể gồm các mức đánh giá sau:

a) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả cao (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 21% trở lên) so với khi chưa áp dụng.

b) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả khá (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 11 đến 20%) so với khi chưa áp dụng.

c) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả trung bình (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 5 đến 10%) so với khi chưa áp dụng.

d) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, nhưng không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp (hiệu quả mang lại tạm ước lượng dưới 5%) so với khi chưa áp dụng.

Điều 5. Thang điểm đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa
I.	ĐẶT VẤN ĐỀ	10
1.	Tên sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học	1-5
2.	Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học (Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học nêu được tính cấp thiết, tính thời sự, tính đổi mới...)	1-5
II.	TÍNH MỚI CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	30
1.	Hoàn toàn mới (Chưa có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được xét công nhận tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương)	21- 30
2.	Có cải tiến, bổ sung, phát triển từ 50% trở lên so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến)	11- 20
3.	Có cải tiến, bổ sung, phát triển từ 20% đến dưới 50% so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến)	1- 10
4.	Không có tính mới hoặc có cải tiến, bổ sung, phát triển dưới 20% so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến)	0
III.	PHẠM VI ẢNH HƯỞNG	30
1.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, sử dụng	21 - 30

	<i>tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khác</i>	
2.	<i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh, ngành, lĩnh vực (được xét trên cơ sở: tính dễ áp dụng; dễ phổ biến, tuyên truyền và khả năng áp dụng quy mô đại trà...)</i>	11 - 20
3.	<i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương có cùng điều kiện trở lên (được xét trên cơ sở: tính dễ áp dụng; dễ phổ biến, tuyên truyền và khả năng áp dụng quy mô cơ quan, đơn vị, địa phương ...)</i>	1 - 10
4.	<i>Sáng kiến chưa được áp dụng, sử dụng hoặc không có khả năng áp dụng</i>	0
IV.	HIỆU QUẢ CỦA SÁNG KIẾN <i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan, tổ chức áp dụng và thừa nhận hoặc đánh giá có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực.</i>	30
1.	<i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả cao (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 21% trở lên) so với khi chưa áp dụng</i>	26 - 30
2.	<i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả khá (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 11 đến 20%) so với khi chưa áp dụng</i>	21 - 25
3.	<i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả trung bình (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 5 đến 10%) so với khi chưa áp dụng</i>	11 - 20
4.	<i>Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, nhưng không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp (hiệu quả mang lại tạm ước lượng dưới 5%) so với khi chưa áp dụng</i>	0-10
	TỔNG ĐIỂM CÁC MỤC I+II+III+IV	100

Điều 6. Phương pháp xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

1. Trên cơ sở chấm điểm của các thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh, thư ký sẽ tổng hợp bằng hình thức cộng tổng điểm và chia cho tổng số thành viên Hội đồng sáng kiến tham gia chấm điểm để lấy điểm trung bình cộng.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được xét, đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng khi có tổng điểm trung bình cộng từ 70 điểm trở lên; trong đó điểm các tiêu chí thành phần của các mục II, III, IV (tính mới; phạm vi ảnh

hưởng; hiệu quả) đạt từ 10 điểm trở lên.

2. Các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học sau đây không được công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh:

a) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có tổng số điểm dưới 70 điểm hoặc có điểm tiêu chí thành phần của các mục II, III, IV (tính mới của sáng kiến; khả năng áp dụng của sáng kiến; hiệu quả của sáng kiến) đạt dưới 10 điểm hoặc điểm tiêu chí thành phần của mục I bị 0 điểm.

b) Sáng kiến mà việc công bố, áp dụng trái với pháp luật hiện hành, trái với các quy định của tỉnh hoặc đạo đức xã hội.

c) Sáng kiến là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến;

d) Sáng kiến là đối tượng đang có tranh chấp giữa các tác giả.

đ) Sáng kiến mang tính lý thuyết, lý luận chung, không đánh giá được hiệu quả cụ thể trong thực tế.

e) Sáng kiến được xác định là sao chép của tác giả, nhóm tác giả khác.

Khi Hội đồng Sáng kiến tỉnh đã họp, biểu quyết thông qua kết quả chấm điểm sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thì đó là kết quả cuối cùng, không điều chỉnh (*không chấm phúc khảo*).

Điều 7. Các trường hợp sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ưu tiên xem xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng

Các trường hợp sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ưu tiên xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Đề tài nghiên cứu khoa học, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ) cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương được nghiệm thu, đánh giá mức/xếp loại đạt trở lên.

Đối tượng được công nhận có nhiệm vụ khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến là: Chủ nhiệm đề tài (gồm cả đề tài nhánh), người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài thì phải có mức độ đóng góp vào đề tài từ 10% trở lên.

Cá nhân là tác giả của những đề tài, bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận) và quốc tế, được cơ quan và tổ chức có thẩm quyền đánh giá cao trong thực tiễn.

2. Giải pháp, dự án (sáng kiến) đạt giải trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật: Đối với cấp tỉnh đạt từ giải Ba trở lên (hoặc giải C trở lên); cấp toàn quốc đạt từ giải Khuyến khích trở lên.

3. Huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thành tích cao tham gia thi đấu đạt Huy chương Vàng trong các cuộc thi đấu thể thao cấp tỉnh hoặc Đạt Huy chương Đồng trở lên các giải thể thao quốc gia (toàn quốc), cấp khu vực và quốc tế;

4. Giải pháp, dự án (sáng kiến) đạt giải Nhất trong các cuộc thi chuyên môn trong toàn tỉnh.

5. Đề tài bảo vệ luận án Tiến sĩ được triển khai nghiên cứu, thực hiện tại tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá ở mức Xuất sắc.

6. Đạt bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động.

7. Đạt bằng Tuổi trẻ sáng tạo của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

8. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, giáo viên, giảng viên đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được ít nhất 01 học sinh, sinh viên đạt một trong các giải Nhất, Nhì, Ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi Quốc gia, Quốc tế (*chỉ được tính thành tích xét cho 01 giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng*).

- Giáo viên, giảng viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các Hội thi liên quan chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành giáo dục và đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

9. Thời gian tính trường hợp được ưu tiên xem xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến: Là năm đạt giải, được nghiệm thu, công nhận hoặc 02 năm liền kề sau đó.

Các trường hợp được ưu tiên công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến không phải thông qua chấm điểm của Hội đồng Sáng kiến tỉnh. Thường trực Hội đồng báo cáo các trường hợp ưu tiên trong kỳ họp Hội đồng Sáng kiến tỉnh để thảo luận, đánh giá và biểu quyết đề nghị công nhận. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trường hợp được ưu tiên công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp tỉnh phải báo cáo, lập danh sách gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh để tổng hợp, trình Hội đồng Sáng kiến tỉnh.

Điều 8. Thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh, toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học theo đề nghị của Hội đồng Sáng kiến tỉnh.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG SÁNG KIẾN

Điều 9. Trình tự xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

1. Bước 1: Cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ giúp việc (có sự tham gia của công chức các cơ quan liên quan) để thực hiện công tác này.

2. Bước 2: Cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh gửi hồ sơ chấm sáng kiến cho thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh nghiên cứu, đánh giá và chấm điểm.

3. Bước 3: Cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh tổng hợp kết quả chấm điểm và các ý kiến nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh, báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến tỉnh trước khi tổ chức họp Hội đồng để xét công nhận.

4. Bước 4: Họp Hội đồng Sáng kiến tỉnh.

a) Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh thông báo kết quả tổng hợp điểm chấm sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của các thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh; những sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học còn có ý kiến đánh giá, nhận xét khác của thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh.

b) Các thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh trao đổi, thảo luận.

c) Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến tỉnh nhận xét, đánh giá chung, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận cuộc họp.

d) Thư ký chịu trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp.

đ) Trường hợp không họp được Hội đồng Sáng kiến tỉnh, thì xin ý kiến thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh bằng văn bản, Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh tổng hợp báo cáo lại Hội đồng Sáng kiến tỉnh kết quả chấm điểm và những vấn đề khác có liên quan.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

Hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện quy định (giao cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh quy định và hướng dẫn).

Các trường hợp được ưu tiên xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học phải có tài liệu chứng minh kèm theo.

Điều 11. Thông báo kết quả và lưu trữ hồ sơ xét công nhận hiệu quả áp

dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến

1. Sau khi có kết quả cuộc họp của Hội đồng và Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan được biết, bổ sung hoàn thiện hồ sơ khen thưởng (nếu có).

2. Thường trực của Hội đồng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ và kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến ở cấp mình theo quy định về công tác lưu trữ.

Điều 12. Hủy bỏ việc công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

Các cá nhân có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được xác định là sao chép của người khác hoặc kê khai gian dối để được công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thì bị hủy bỏ quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi sai phạm của mình.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các hồ sơ khen thưởng được đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trước thời gian Quy định này có hiệu lực thì hành thì vận dụng thực hiện theo Quy định này để xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa để làm cơ sở bổ sung, hoàn thiện điều kiện, tiêu chuẩn cho việc công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Giao cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ quy định này và quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn viết sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trong ngành giáo dục và đào tạo trong tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định này có trách nhiệm xây dựng quy định xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của cấp mình sao cho phù hợp và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, công nhân, nông dân thuộc phạm vi cơ quan, đơn vị quản lý, phát huy tính sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao.

Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc, các ý kiến phản ánh về cơ quan Thường trực Hội đồng Sáng kiến tỉnh để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

Mẫu 1

UBND TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Tên sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học:

TT	Tiêu chí đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa
I.	ĐẠT VẤN ĐỀ	10
1.	Tên sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học	1-5
2.	Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học (Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học nêu được tính cấp thiết, tính thời sự, tính đổi mới...)	1-5
II.	TÍNH MỚI CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	30
1.	Hoàn toàn mới (Chưa có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được xét công nhận tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương)	21- 30
2.	Có cải tiến, bổ sung, phát triển từ 50% trở lên so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến)	11- 20
3.	Có cải tiến, bổ sung, phát triển từ 20% đến dưới 50% so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến)	1- 10
4.	Không có tính mới hoặc có cải tiến, bổ sung, phát triển dưới 20% so với giải pháp đã có, đã được áp dụng tại cơ sở, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với sáng kiến)	0
III.	PHẠM VI ẢNH HƯỞNG	30
1.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, sử dụng tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khác	21 - 30
2.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh, ngành, lĩnh vực (được xét trên cơ sở: tính dễ áp dụng; dễ phổ biến, tuyên truyền và khả năng áp dụng quy mô đại trà...)	11 - 20

3.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có khả năng áp dụng trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương có cùng điều kiện trở lên (được xét trên cơ sở: tính dễ áp dụng; dễ phổ biến, tuyên truyền và khả năng áp dụng quy mô cơ quan, đơn vị, địa phương ...)	1 - 10
4.	Sáng kiến chưa được áp dụng, sử dụng hoặc không có khả năng áp dụng	0
IV.	HIỆU QUẢ CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan, tổ chức áp dụng và thừa nhận hoặc đánh giá có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực.	30
1.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả cao (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 21% trở lên) so với khi chưa áp dụng	26 - 30
2.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả khá (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 11 đến 20%) so với khi chưa áp dụng	21 - 25
3.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng và có khả năng mang lại hiệu quả trung bình (hiệu quả mang lại tạm ước lượng từ 5 đến 10%) so với khi chưa áp dụng	11 - 20
4.	Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng, nhưng không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp (hiệu quả mang lại tạm ước lượng dưới 5%) so với khi chưa áp dụng	0-10
	TỔNG ĐIỂM CÁC MỤC I+II+III+IV	100

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ (Nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO TÓM TẮT HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng Sáng kiến tỉnh Gia Lai

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, nơi công tác	Trình độ chuyên môn

Lưu ý: Tác giả sáng kiến là người tạo ra sáng kiến bằng chính sức lao động, trí tuệ của mình; đồng tác giả sáng kiến là những người cùng góp công sức, trí tuệ tạo ra sáng kiến chung (Người chỉ đầu tư, hỗ trợ về vật chất, kinh phí trong quá trình tạo ra sáng kiến không được coi là tác giả sáng kiến). Người được xác định là đồng tác giả sáng kiến phải xác định được khối lượng đóng góp trực tiếp về công sức, trí tuệ vào sáng kiến; đồng tác giả phải có đóng góp tối thiểu 30% công sức, trí tuệ vào sáng kiến. Người có tỷ lệ đóng góp cao nhất sẽ là tác giả sáng kiến). Không thống kê những người không có đóng góp gì vào sáng kiến.

1. Tên sáng kiến:.....

2. Quyết định công nhận:.....

Báo cáo tóm tắt hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến như sau:

1. Đặt vấn đề:

1.1. Bối cảnh của giải pháp: trình bày vắn tắt về không gian, thời gian, thực trạng của việc thực hiện, tổng quan những thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

1.2. Lý do chọn giải pháp: sáng kiến nhằm giải quyết vấn đề gì? vấn đề giải quyết có phải là vấn đề thiết thực gắn với nhiệm vụ được phân công, hay vấn đề cần thiết của ngành không?

1.3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu: Xác định phạm vi áp dụng sáng kiến, giới hạn lĩnh vực và đối tượng nghiên cứu (sáng kiến cần tập trung giải quyết cho một bộ phận, một lĩnh vực hoặc một vấn đề cụ thể nào đó trong chuyên môn).

1.4. Mục đích nghiên cứu: Giải quyết những mâu thuẫn, những khó khăn gì cơ bản bức xúc trong công tác. Tác giả viết sáng kiến nhằm mục đích gì? (nâng cao nghiệp

vụ công tác của bản thân, để trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp, để tham gia nghiên cứu khoa học...); đóng góp của sáng kiến gì về mặt lý luận, về mặt thực tiễn.

1.5. Thực trạng của giải pháp đã biết:

- Mô tả đầy đủ, chi tiết tình trạng kỹ thuật hoặc phương pháp tổ chức sản xuất, công tác, tác nghiệp hiện tại (thường làm) trước khi thực hiện những giải pháp mới (mô tả chi tiết các bước/quy trình thực hiện nhiệm vụ).

- Nêu, phân tích rõ những ưu, nhược điểm, thuận lợi, khó khăn của giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp tổ chức sản xuất, công tác, tác nghiệp hiện đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị hoặc trong lĩnh vực công tác mình đảm nhiệm và phân tích nguyên nhân dẫn đến tình hình đó.

2. Nội dung sáng kiến:

a) Bản chất của giải pháp mới

- Mô tả những điểm mới cơ bản của sáng kiến, tính ưu việt hơn so với giải pháp sẵn có; khẳng định tính sáng tạo về mặt khoa học và thực tiễn (tác giả tự nghiên cứu, chưa được công bố, phổ biến, áp dụng chính thống)

- Trình bày các bước/quy trình thực hiện giải pháp;

- Ưu, nhược, điểm của giải pháp mới: Trình bày rõ những ưu điểm và nhược điểm (nếu có) của giải pháp mới.

- Bổ sung vào phần phục lục (nếu có): bản vẽ kỹ thuật hoặc sơ đồ để mô tả và minh họa nhằm bộc lộ rõ tính mới/tính sáng tạo của giải pháp.

Yêu cầu: Phải có số liệu so sánh hoặc các luận cứ chứng minh được tính mới, tính sáng tạo của giải pháp mới.

b) Khả năng áp dụng của sáng kiến

- Sáng kiến này đã được áp dụng/hoặc áp dụng thử hay chưa? ở đâu?

- Nêu lĩnh vực mà sáng kiến có thể áp dụng: Nông nghiệp, giao thông vận tải, công nghiệp, dịch vụ, sản xuất, quản lý hành chính...

- Điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến đó: để áp dụng sáng kiến này cần phải đảm bảo điều kiện gì?

- Nêu rõ phạm vi có thể áp dụng sáng kiến: sáng kiến này có thể áp dụng trong cơ quan, địa phương, ngành, lĩnh vực hay toàn tỉnh.

c) Đánh giá hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được khi áp dụng giải pháp:

- Đánh giá của tác giả/nhóm tác giả:

- Đánh giá của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử.

Nội dung đánh giá của tác giả và người áp dụng, gồm:

+ So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);

+ Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

d) Những bài học kinh nghiệm, kiến nghị, đề xuất điều kiện để triển khai, ứng dụng sáng kiến vào thực tiễn.

3. Kết quả áp dụng (Đánh giá dựa trên kết quả áp dụng tại đơn vị cơ sở, các đơn vị ngoài cơ sở; việc đánh giá tùy theo giải pháp của sáng kiến cần thống kê kết quả cụ thể; rõ ràng, cần đánh giá, so sánh hiệu quả mang lại sau khi áp dụng sáng kiến với trước khi chưa áp dụng sáng kiến, những kết quả có số liệu chứng minh thì sử dụng số liệu để minh chứng):

- Sáng kiến đã được áp dụng: (địa chỉ áp dụng, thời gian bắt đầu áp dụng)

.....

- Danh sách các tổ chức/ cá nhân đã tham gia áp dụng thử (trong đơn vị và ngoài đơn vị như: ngành, lĩnh vực, địa phương khác):

.....

Kính đề nghị Hội đồng Sáng kiến tỉnh xem xét./.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO TÓM TẮT HIỆU QUẢ ÁP DỤNG,
PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Kính gửi: Hội đồng Sáng kiến tỉnh Gia Lai

Tên đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở:

1. Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (*Cần ghi rõ học hàm, học vị (nếu có), họ tên, nơi làm việc, email*):

Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ:

2. Cơ quan quản lý:

3. Cơ quan thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (*Tên, địa chỉ, điện thoại, email...*):

4. Thời gian thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (... tháng, từ tháng.... đến tháng.....):

5. Địa điểm thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở:

6. Quyết định hoặc biên bản nghiệm thu đề tài:

7. Danh sách các cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Số tháng tham gia	Tỷ lệ % đóng góp trực tiếp thực hiện

Báo cáo tóm tắt hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học như sau:

I. Đặt vấn đề: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, mục tiêu của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

II. Tính mới, tính sáng tạo, giá trị khoa học trong kết quả nghiên cứu

- Nội dung, kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra
- Tính mới, tính sáng tạo, giá trị khoa học
- Khả năng mang lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội từ kết quả đề tài nghiên cứu

cứu khoa học cấp cơ sở

III. Tình hình ứng dụng và phạm vi ảnh hưởng

- Tình hình, kết quả ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn
- Khả năng duy trì, nhân rộng mô hình, khả năng kết quả nghiên cứu

Kính đề nghị Hội đồng Sáng kiến tỉnh xem xét./.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị

TÁC GIẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI